TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/HNGĐ-PT
Ngày 21-8-2017
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Ông Nguyễn Văn Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/TLPT-HNGĐ ngày 03/7/2017 về tranh chấp về ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 94/2017/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 36/2017/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974. Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đ. Địa chỉ tạm trú: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn, bà Nguyễn Thị H.

Ông L, bà H đều có mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị H chung sống như vợ chồng từ năm 2011 đến ngày 15/4/2015 mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32/2015, quyển số 01/2015 ngày 15/4/2015. Ông L xác định giữa ông và bà H không có con chung, không có nợ chung và yêu cầu được ly hôn với bà H. Bà H không

đồng ý ly hôn với ông L, bà xác định giữa bà và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh A sinh ngày 08/3/2011 trong thời gian bà và ông L chung sống như vợ chồng.

Tại Bản án số 94/2017/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 5 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định: Chấp nhận theo đơn yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Văn L đối với bà Nguyễn Thị H. Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị H. Đình chỉ yêu cầu xác nhận cha cho con của bà Nguyễn Thị H về việc xác nhận ông Huỳnh Văn L là cha ruột của cháu Nguyễn Huỳnh A. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tạm ứng chi phí giám định.

Ngày 31/5/2017, bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Ông L yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý, nhưng bà kháng cáo yêu cầu xác định cháu Nguyễn Huỳnh A là con chung của bà và ông L, vì thực chất bà và ông L sống chung từ năm 2006. Ngoài ra, bà yêu cầu ông L hoàn trả cho bà một số tiền vì trong quá trình sống chung bà đã đóng góp công sức rất nhiều vào gia đình.

Ông Huỳnh Văn L trình bày: Ông thừa nhận ông sống chung với bà H từ năm 2006, nhưng bà H phải cung cấp chứng cứ chứng minh cháu Nguyễn Huỳnh A là con chung của ông và bà H. Ông đồng ý hỗ trợ cho bà H số tiền 40.000.000 đồng để tạo lập cuộc sống mới, nhưng thanh toán làm 02 lần, cụ thể đến ngày 21/10/2017 giao 20.000.000 đồng, ngày 21/4/2018 giao tiếp 20.000.000 đồng còn lại.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Bà H kháng cáo yêu cầu xác định cháu Nguyễn Huỳnh A là con chung của bà H và ông L, nhưng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 38/2011/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện L đang có hiệu lực pháp luật, nên nếu bà H có chứng cứ chứng minh cháu A là con chung của bà H và ông L thì có quyền yêu cầu xem xét lại Quyết định số 38/2011/QĐST-HNGĐ theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện của ông L về việc hỗ trợ cho bà H số tiền 40.000.000 đồng với thời hạn thanh toán như ông L đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H đúng luật theo quy định tại Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu

khởi kiện. Bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H về con chung: Ông L xác định ông và bà H không có con chung. Bà H lại cho rằng cháu Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 08/3/2011 là con chung của bà H và ông L. Bản án sơ thẩm đã nhận định: Cháu Nguyễn Huỳnh A đã được xác định là con chung của bà H và ông Đỗ Văn T theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 38/2011/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện L, nếu bà H có chứng cứ chứng minh cháu A là con chung của bà H và ông L thì có quyền yêu cầu xem xét lại Quyết định số 38/2011/QĐST-HNGĐ. Nhận định vừa nêu của bản án sơ thẩm là có căn cứ theo quy định tại Điều 326, 352 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bà H. Tuy nhiên, trong phần quyết định của Bản án sơ thẩm lại đình chỉ yêu cầu xác nhận cha cho con của bà Nguyễn Thị H về việc xác nhận ông Huỳnh Văn L là cha ruột của cháu Nguyễn Huỳnh A, trong khi Tòa án không có thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu này là không chính xác, cần sửa phần này của án sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L tự nguyện hỗ trợ cho bà H số tiền 40.000.000 đồng với thời hạn thanh toán: Ngày 21/10/2017 giao 20.000.000 đồng, ngày 21/4/2018 giao tiếp 20.000.000 đồng còn lại. Bà H đồng ý nhận. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[5] Đối với tạm ứng chi phí giám định ADN số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng do bà Nguyễn Thị H nộp: Tòa án nhân dân huyện Đ đã hoàn trả cho bà H.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do ông L tự nguyện hỗ trợ tiền cho bà H nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị H không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 56, 57 và Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

2. Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 94/2017/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

3. Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn L hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị H số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, với thời hạn thanh toán cụ thể như sau: Ngày 21/10/2017 giao 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, ngày 21/4/2018 giao 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc ông Huỳnh Văn L phải chịu 200.000 (*hai trăm ngàn*) đồng, được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008458 ngày 17/6/2016.

7. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu và được hoàn trả 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000608 ngày 31/5/2017.

8. Tất cả các biên lai thu tiền tạm ứng án phí đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

9. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 21 tháng 8 năm 2017./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục